

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2014**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠI DƯƠNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ban hành ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương;
- Căn cứ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương ngày 26/04/2014;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua các báo cáo:

- 1. Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014:**

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2013 sau khi hợp nhất của Công ty như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013
1	Tổng doanh thu	3.391
2	Tổng chi phí	3.170
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	221
4	Lợi nhuận sau thuế	87

Kết quả kinh doanh theo lĩnh vực:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Lĩnh vực	Doanh thu
Bất động sản	1.053,19
Khách sạn	405,40
Chứng khoán	130,84

Sản xuất, thương mại	923,92
Các hoạt động khác	877,65
Tổng	3.391,00

Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2014

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013 (Kiểm toán)	Năm 2014 (Kế hoạch)	Tỷ lệ so với 2013
1	Tổng tài sản	11.424	11.600	101,54%
2	Vốn điều lệ	3.000	3.000	100%
3	Tổng doanh thu	3.391	4.280	126,00%
4	Lợi nhuận trước thuế	221	251	114,00%

(Chi tiết tại báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2013 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 kèm theo)

2. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị:

(Chi tiết tại báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm Nghị quyết này)

3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát

(Chi tiết tại Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát đính kèm Nghị quyết này)

Điều 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2013

- Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán của công ty mẹ OGC và của hợp nhất: Chi tiết đăng tại website <http://oceangroup.vn/>;
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản năm 2013 như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Tổng tài sản	6.971,8	11.424,4
2	Nợ phải trả	3.723,9	7.373,8
3	Vốn chủ sở hữu	3.247,9	3.205,9
4	Tổng doanh thu	1.129,6	3.391,0
5	Tổng chi phí	1.007,9	3.169,9

6	Lợi nhuận trước thuế	121,8	221,1
7	Lợi nhuận sau thuế	90,7	87,1

Điều 3: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Năm 2013
A	Lợi nhuận chưa phân phối:	100,00%	140.150.145.870
1	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối trước năm 2013		49.411.137.254
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2013		90.739.008.616
B	Phân phối lợi nhuận 2013	58,06%	81.366.604.377
1	Trích quỹ phát triển sản xuất kinh doanh (năm 2013)	1,00%	1.401.501.459
2	Trích quỹ dự phòng tài chính (năm 2013)	1,00%	1.401.501.459
3	Chia cổ tức năm 2013 (2.5% vốn điều lệ)	53,51%	75.000.000.000
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (năm 2013)	1,00%	1.401.501.459
5	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1,24%	1.742.100.000
6	Thù lao HĐQT & BKS 2013	0,30%	420.000.000
C	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	41,94%	58.783.541.493

Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động xác định ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức.

Điều 3: Thông qua tờ trình quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2013 và kế hoạch quỹ thù lao năm 2014:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2013

QUYẾT TOÁN THÙ LAO HĐQT VÀ BKS NĂM 2013

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thù lao phê duyệt
A	Thù lao Hội đồng quản trị	312.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	120.000.000

2	Phó CT HĐQT	84.000.000
3	Thành viên HĐQT	108.000.000
B	Thù lao Ban kiểm soát	108.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000
2	Thành viên BKS	48.000.000
	Tổng cộng	420.000.000

2. Kế hoạch phân phối thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2014

PHƯƠNG ÁN THÙ LAO HĐQT VÀ BKS NĂM 2014

Đơn vị: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Thù lao năm 2014
A	Thù lao Hội đồng quản trị	312.000.000
1	Chủ tịch HĐQT	120.000.000
2	Phó CT HĐQT	84.000.000
3	Thành viên HĐQT	108.000.000
B	Thù lao Ban kiểm soát	108.000.000
1	Trưởng Ban kiểm soát	60.000.000
2	Thành viên BKS	48.000.000
	Tổng cộng	420.000.000

Điều 4: Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán năm 2014

a. Tiêu thức lựa chọn Công ty kiểm toán:

- Là công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán năm 2014;

- Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty, tập đoàn lớn trong lĩnh vực kinh doanh du lịch; tài chính, sản xuất và đầu tư xây dựng.
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và nhiều kinh nghiệm;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đáp ứng được yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

b. Danh sách các công ty kiểm toán để lựa chọn:

STT	Tên doanh nghiệp	Ngày thành lập	Địa chỉ liên hệ
01	Công ty TNHH Deloitte Việt nam	13/05/1991	Tầng 12A, 12B, 15, 16 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
02	Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam	03/11/1992	Tầng 8, Tòa Nhà CornerStone, 16 Phan Chu Trinh - Hoàn Kiếm - Hà Nội
03	Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán	13/05/1991	Số 1 Lê Phụng Hiểu - Q. Hoàn Kiếm - Hà Nội

- c. Trong trường hợp không thống nhất được với những Công ty Kiểm toán trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các Công ty Kiểm toán còn lại trong Danh sách Công ty Kiểm toán độc lập được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để tiến hành Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 và soát xét Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên năm 2014 (nếu cần thiết theo yêu cầu của Cơ quan quản lý Nhà nước).

Điều 5: Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2014:

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014 (HỢP NHẤT)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Kế hoạch 2014	Tỷ lệ tăng trưởng
1	Tổng tài sản	11.424	11.600	101,54%
2	Vốn điều lệ	3.000	3.000	
3	Tổng doanh thu	3.391	4.280	126,00%
4	Lợi nhuận trước thuế	221	251	114,00%

Điều 6: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, điều chỉnh tỷ lệ sở hữu của cổ đông sáng lập và sửa đổi điều lệ Công ty:

1. Bổ sung ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Phân bón	4669
2	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng	6619

2. Điều chỉnh tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông sáng lập trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty do cổ đông thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phần (căn cứ theo Danh sách cổ đông chốt ngày 28/03/2014 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp):

- Cổ đông Công ty TNHH VNT thay đổi tỷ lệ cổ phần nắm giữ: từ 11,09% Vốn Điều lệ tương đương 33.270.000 cổ phần xuống còn 0% Vốn Điều lệ tương đương 0 cổ phần.
- Cổ đông Công ty CP Bảo Linh thay đổi tỷ lệ cổ phần nắm giữ: từ 3,08% Vốn Điều lệ tương đương 9.250.956 cổ phần xuống còn 1.1667% Vốn Điều lệ tương đương 3.500.006 cổ phần.
- Cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà thay đổi tỷ lệ cổ phần nắm giữ: từ 2,42% Vốn Điều lệ tương đương 7.256.838 cổ phần tăng lên 6,8634% Vốn Điều lệ tương đương 20.590.171 cổ phần.

3. Sửa đổi điều lệ Công ty như sau:

❖ Khoản 1, Điều 3 được sửa lại như sau:

“1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; Chi tiết: - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng; đo bóc khối lượng xây dựng công trình; lập thẩm tra dự toán xây dựng công trình, xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng, lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng, lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình.	7110

2	Hoạt động thiết kế chuyên dụng; Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng, công nghiệp, thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV; Thiết kế cấp thoát nước công trình xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế hệ thống phòng cháy, chữa cháy;	7410
3	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua, bán hàng hóa	4610
4	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Môi giới thương mại	8230
5	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đầu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ quản lý bất động sản Kinh doanh trung tâm thương mại	6820
6	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản Kinh doanh trung tâm thương mại	6810
7	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ kinh xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết:	4669

	Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại Bán buôn hóa chất	
9	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn sơn và véc ni; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn xi măng; Ván buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
10	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
11	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn lương thực, thực phẩm, đồ hộp, nước tinh khiết, nước giải khát và dầu ăn các loại;	4632
12	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ.	5510
13	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, cao ốc văn phòng, các công trình hạ tầng, công trình công nghiệp, công trình dân dụng; Đầu tư xây dựng công trình thủy điện	4290
14	Quảng cáo Chi tiết: Quảng cáo thương mại	7310
15	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ viễn thông, truyền thông, phát thanh, truyền hình;	6190
16	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);	6619

17	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
18	Sản xuất hóa chất cơ bản. (trừ hóa chất Nhà nước cấm)	2011
19	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.	4661
20	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ đồ gia dụng như tủ lạnh, máy điều hòa, bàn là, lò vi sóng	4779
21	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ gia dụng như tủ lạnh, máy điều hòa, bàn là, lò vi sóng	4649
22	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
23	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn.	2599
24	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
25	Sản xuất đồ điện dân dụng Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện nhỏ và đồ gia dụng bằng điện, máy hút bụi dùng trong gia đình, quạt gia dụng, máy giặt gia dụng, máy lau sàn điện gia dụng, thiết bị là, thiết bị nấu ăn gia dụng, tủ lạnh gia dụng, tủ ướp đá, các thiết bị gia dụng chính bằng điện hoặc không bằng điện, như máy rửa bát, bình đun nước, máy nghiền rác.	2750
26	Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.	2815
27	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Phân bón	4669
28	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng	6619

❖ **Khoản 5, Điều 5, Điều lệ Công ty được sửa đổi như sau:**

“5. Cổ đông sáng lập và các cổ đông góp vốn khác của Công ty”:

ST T	Tên cổ đồng	Nơi đăng ký hồ khẩu thường trú đối với cá nhân, địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND/Hộ chiếu đối với cá nhân, MSDN đồ cối doanh nghiệp, số quyết định thành lập đối với tổ chức
I. Cổ đông sáng lập Công ty							
1	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bảo Minh	Số 12 ngách Hò, Hàm Long, ngõ 1 Âu Cơ, P.Quảng An, Q.Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.606.000	96.060.000.000	3,2020%	0103013717
2	Công ty Cổ phần Bảo Linh	Số 12, ngách 75, ngõ 651 Minh Khai, P.Thanh Lương, Q.Hai Bà Trung, Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.500.006	35.000.060.000	1,1667%	0103007143
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vneco Hà Nội	Tòa nhà Phúc Thanh, VP5, Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	14.499.312	144.993.120.000	4,8331%	0103017094
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	Tầng 3, Tòa nhà Trung Yên Plaza, số 1, phố Trung Hòa, P.Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội	Cổ phần phổ thông	20.590.171	2.05.901.710.000	6,8634%	0103009007

5	Hà Văn Thắm	Tổ 10, Cụm Nghi Tâm, phường Quảng An, Quận Tây Hồ, TP.Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.333.330	33.333.300.000	1,1111%	012345310
II. Các cổ đông góp vốn khác của Công ty							
	Các cổ đông là cá nhân, tổ chức khác		Cổ phần phổ thông	248.471.181	2.484.711.810.000	82,8237%	

Điều 6: Thông qua danh sách trúng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2014 – 2019:

STT	Họ và tên
I	Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2014 - 2019
1	Ông Hà Văn Thắm
2	Ông Lê Quang Thụ
3	Ông Hà Trọng Nam
4	Ông Preben Hjortlund
5	Bà Nguyễn Thị Dung
II	Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2014 - 2019
1	Ông Lê Anh Dũng
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
3	Bà Nguyễn Hải Yến

Điều 7: Điều khoản thi hành

Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai thành công Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Nơi nhận:

- UBCKNN, HSX(báo cáo)
- TV.HĐQT;BDH (T/hiện); BKS (g/sát)
- Lưu VP.

**T/M.ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



HÀ VĂN THẨM